

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 03-8-2018

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Hạnh

2. Ông Trần Hồng Tư

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 111/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Chị Huỳnh Thị Minh H**, sinh năm 1979

ĐKKHKT: Ấp A, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Đường Đ, phường H, thị xã D, tỉnh Bình Dương (*có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* **Anh Trần Huy H**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp C, xã G, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (*vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 5 năm 2018 và biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, nguyên đơn, chị Huỳnh Thị Minh H trình bày: Vào năm 1995 (không nhớ ngày tháng cụ thể), chị Huỳnh Thị Minh H và anh Trần Huy H tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, chị H và anh H có ba người con chung là Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 23 tháng 10 năm 1996, Trần Thị Kim A, sinh ngày 01 tháng 7 năm 1999 và Trần Thị Bích Đ, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2002; hiện cả ba cháu đang sống với chị H; tài sản chung và nợ chung không có. Trong thời gian chung sống, khoảng 05 năm trở lại đây, anh H nhiều lần đánh đập chị H, không chịu đựng được, chị H đã ra khỏi nhà từ tháng 8 năm 2016 nên chị H và anh H đã sống ly thân từ đó cho

đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị H và anh H không lần nào gặp gỡ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh H, yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; đối với cháu H và cháu A đã trên 18 tuổi nên chị H không yêu cầu nuôi các cháu; tài sản chung và nợ chung không có nên chị H không yêu cầu giải quyết.

Đổi ý kiến của bị đơn, anh Trần Huy H: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập anh H đến Tòa án để hòa giải nhiều lần, nhưng anh H không gửi văn bản thể hiện ý kiến, yêu cầu của anh H đối với yêu cầu khởi kiện của chị H và cũng không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến, yêu cầu của anh H.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; còn bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Không công nhận chị H và anh H là vợ chồng. Về con chung, giao cháu Đ, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2002 cho chị H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị H không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung, không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh H và hiện nay anh H cư trú tại ấp C, xã G, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh H đã được triệu tập tham gia phiên hòa giải hai lần nhưng đều vắng mặt nên vụ án không hòa giải được, phải đưa ra xét xử. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm

cho anh H, nhưng tại phiên tòa hôm nay, anh H vẫn vắng mặt không có lý do, còn chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh H.

[2] Về nội dung: Chị H yêu cầu ly hôn với anh H do khoảng 05 năm trở lại đây, anh H nhiều lần đánh đập chị H, không chịu đựng được, chị H đã ra khỏi nhà từ tháng 8 năm 2016 nên chị H và anh H đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị H và anh H không lần nào gặp gỡ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, chị H và anh H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1995, nhưng cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không có căn cứ giải quyết yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh H mà căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, không công nhận chị H và anh H là vợ chồng.

Về con chung, chị H yêu cầu được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2002. Xét thấy, từ khi chị H và anh H không còn sống chung với nhau đến nay, thì cháu Đ đã sống cùng với chị H, gắn bó và có cuộc sống ổn định với chị H. Đồng thời, cháu Đ cũng có nguyện vọng được sống chung với chị H và anh H cũng không thể hiện có ý kiến về việc yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ nên để đảm bảo sự ổn định cuộc sống và tôn trọng nguyện vọng của cháu Đ, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Đ cho chị H tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị H không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đối với cháu A và cháu H, hiện đã trên 18 tuổi nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định chị H và anh H không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết. Anh H không thể hiện có tranh chấp và yêu cầu giải quyết về vấn đề tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị H phải chịu 300.000 đồng. Chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009359 ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu nên được chuyển thu án phí.

[3] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14,

khoản 2 Điều 53, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và tiêu mục 1.1 phần II mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Huỳnh Thị Minh H và anh Trần Huy H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Bích Đ, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2002 cho chị Huỳnh Thị Minh H tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị Huỳnh Thị Minh H không yêu cầu anh Trần Huy H phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Anh Trần Huy H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Đối với cháu Trần Thị Ngọc H, sinh ngày 23 tháng 10 năm 1996 và cháu Trần Thị Kim A, sinh ngày 01 tháng 7 năm 1999; hiện đã trên 18 tuổi nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, chị Huỳnh Thị Minh H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu. Chị Huỳnh Thị Minh H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009359 ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu, được chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;
- THADS huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Lê Thị Mỹ Xuyên